TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 36/2026/QĐST-DS	*Nghệ An, ngày 04 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 213, 234, 609, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 66 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26, 27, 31, 136, 137 Luật đất đai năm 2024;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 26 và khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 27 tháng 5 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 142/2026/TLST – DS ngày 23 tháng 3 năm 2026 về "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị T, sinh ngày 22/11/1986; Căn cước công dân: 0421860xxxx do Cục C2 về TTXH cấp ngày 13/9/2022; Nơi ĐKNKTT: B67, Tổ B, Khu phố B, phường T, tỉnh Đồng Nai; Nơi ở: Số nhà A, đường N, phường T, tỉnh Đồng Nai; Số điện thoại: 0975.xxx.xxx

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh ngày 01/01/1962; Căn cước công dân: 0421620xxxxx do Cục C2 về TTXH cấp ngày 19/8/2022; Nơi ĐKNKTT: Phố A, ấp A, P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai (Nay là xã P, tỉnh Đồng Nai); Điện thoại: 0342.xxx.xxx (Theo Giấy ủy quyền ký ngày 17/3/2026 được Công chứng tại Văn phòng C3, địa chỉ F, đường V, khu phố V, phường T, tỉnh Đồng Nai do Công chứng viên Đào Mạnh H1 công chứng, số công chứng 615/2026/CCGD).

- **Bị đơn:** Bà Trương Thị S, sinh ngày 08/8/1960; Căn cước công dân: 0421600xxxx do Cục C2 về TTXH cấp ngày 10/5/2021; Nơi ĐKNKTT: Khối Y, phường T, tỉnh Nghệ An; Điện thoại: 0919.xxx.xxx

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Anh Lê Mạnh C, sinh ngày 14/9/1997; Căn cước công dân: 0400970xxxx do Cục C2 về TTXH cấp ngày 25/9/2022; Nơi ĐKNKTT: Khối Y, phường T, tỉnh Nghệ An; Điện thoại: 0704.xxx.xxx.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Thời điểm mở thừa kế, thời hiệu thừa kế: Ngày 16/5/2016, ông Lê Văn H2 chết, không để lại di chúc. Căn cứ Điều 611 Bộ luật dân sự năm 2015, thời điểm mở thừa kế là thời điểm người có tài sản chết. Căn cứ khoản 1 Điều 623, thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản. Thời hiệu khởi kiện thừa kế vẫn còn nên chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Thúy C1 di sản thừa kế của ông Lê Văn H2 theo pháp luật.

2.2. Về hàng thừa kế: Các đương sự đều thống nhất xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Lê Văn H2 gồm:

- Bà Trương Thị S, sinh ngày 08/8/1960 (Vợ hợp pháp của ông H2, đăng ký kết hôn vào ngày 31/01/1997).

- Chị Lê Thị T, sinh ngày 22/11/1986 (Con riêng của ông H2 có trước khi kết hôn với bà Trương Thị S).

- Anh Lê Mạnh C, sinh ngày 14/9/1997 (Con chung của ông H2 với bà Trương Thị S).

Ông H2 không có con nuôi, con riêng nào khác.

2.3. Về xác định tài sản chung của ông Lê Văn H2, bà Trương Thị S và di sản thừa kế của ông Lê Văn H2:

2.3.1. Về xác định tài sản chung của ông Lê Văn H2 và bà Trương Thị S: Thửa đất số 147, tờ bản đồ số 9, diện tích 135 m^2 và tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà cấp 4, diện tích ngôi nhà 112,3 m^2 tại khối Y, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An (nay là khối Y, phường T, tỉnh Nghệ An). Đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố V (cũ), tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 479774 ngày 04/4/2007 đứng tên ông Lê Văn H2, bà Trương Thị S có tổng trị giá tài sản theo giá thị trường là 5.600.000.000 đồng (Năm tỷ, sáu trăm triệu đồng). Đây là tài sản chung của vợ chồng ông Lê Văn H2, bà Trương Thị S có trong thời kỳ hôn nhân.

Do đó phần tài sản của bà Trương Thị S được hưởng trong khối tài sản chung của vợ chồng là ½ quyền sử dụng đất có diện tích 67,5m^2 đất và ½ ngôi nhà có diện tích 56,15m^2 có trị giá là 2.800.000.000 đồng (Hai tỷ, tám trăm triệu đồng).

2.3.2. Về xác định di sản thừa kế của ông Lê Văn H2: Di sản của ông Lê Văn H2 để lại là ½ quyền sử dụng đất có diện tích 67,5m^2 đất và ½ ngôi nhà có diện tích 56,15m^2 tại thửa đất số 147, tờ bản đồ số 9, tại khối Y, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An (nay là khối Y, phường T, tỉnh Nghệ An) có trị giá là 2.800.000.000 đồng (Hai tỷ, tám trăm triệu đồng).

2.4. Về công sức thờ phụng, tôn tạo, bảo quản di sản, thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất và làm tăng giá trị đất: Tính công sức cho bà Trương Thị S được hưởng bằng 01 suất thừa kế di sản (01 kỷ phần) của ông Lê Văn H2 để lại.

2.5. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Lê Mạnh C tặng kỷ phần của mình được hưởng cho bà Trương Thị S.

2.6. Về kỷ phần chia di sản thừa kế của ông Lê Văn H2: Ông Lê Văn H2 có 03 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: Bà Trương Thị S, chị Lê Thị T, anh Lê Mạnh C được hưởng 03 kỷ phần di sản thừa kế của ông H2 theo quy định pháp luật; Bà S có công sức thờ phụng, tôn tạo, bảo quản di sản, thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất và làm tăng giá trị đất được hưởng bằng 01 kỷ phần thừa kế. Nên di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn H3 được chia làm 4 kỷ phần, mỗi kỷ phần sẽ được hưởng 16,875m^2 đất và 14,0375m^2 diện tích ngôi nhà có trị giá 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng).

- Bà Trương Thị S được nhận kỷ phần của anh C tặng cho và kỷ phần bà S được hưởng thừa kế cũng như trích công sức thì bà S được hưởng thừa kế với tổng diện tích là 50,625m^2 đất và diện tích ngôi nhà là 42,1125m^2 có trị giá là 2.100.000.000 đồng (Hai tỷ, một trăm triệu đồng).

Như vậy, tính cả phần chia thừa kế và phần chia tài sản chung của bà Trương Thị S thì bà S được hưởng là 118,125m^2 đất và 98,2625m^2 diện tích ngôi nhà với tổng trị giá tài sản là 4.900.000.000 đồng (Bốn tỷ, chín trăm triệu đồng).

- Chị Lê Thị T được hưởng 01 kỷ phần thừa kế là 16,875m^2 đất và 14,0375m^2 diện tích ngôi nhà có trị giá 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng).

2.7. Về phân chia di sản thừa kế, các đương sự thống nhất thỏa thuận như sau:

- Giao cho bà Trương Thị S được toàn quyền sử dụng, sở hữu, định đoạt toàn bộ quyền sử dụng đất cũng như tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 147, tờ bản đồ số 9, diện tích 135m^2 đất tại khối Y, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An (nay là khối Y, phường T, tỉnh Nghệ An).

- Bà Trương Thị S đồng ý thanh toán giá trị chênh lệch tài sản là di sản thừa kế của ông Lê Văn H2 cho chị Lê Thị T với số tiền là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng).

Chị Lê Thị T được nhận số tiền 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) do bà Trương Thị S giao.

Bà Trương Thị S và chị Lê Thị T đã thực hiện xong việc giao, nhận đủ số tiền 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) vào ngày 27/5/2026 bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản số 7040651997 của anh Lê Mạnh C được mở tại Ngân hàng TMCP S1 – Chi nhánh H5 (T1) đến tài khoản số 0975199992 của chị Lê Thị T được mở tại Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh B - Đồng Nai (V1). Chị Lê Thị T đã nhận đủ số tiền 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) do bà Trương Thị S trích giao chia di sản thừa kế của ông H2 để lại.

Bà Trương Thị S có quyền, nghĩa vụ đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất đứng tên bà Trương Thị S theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Về án phí: Bà Trương Thị S là người cao tuổi (trên 60 tuổi) thuộc trường hợp được miễn toàn bộ án phí DSST.

Bà Trương Thị S phải chịu 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng) án phí DSST hòa giải thành đối với kỷ phần tài sản bà S được hưởng từ anh Lê Mạnh C.

Chị Lê Thị T phải chịu 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng) án phí DSST hòa giải thành đối với kỷ phần tài sản chị T được hưởng được khấu trừ trong số tiền tạm ứng án phí 56.360.000 đồng (Năm mươi sáu triệu, ba trăm sáu mươi triệu đồng) đã nộp. Hoàn trả 40.360.000 đồng (Bốn mươi triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng) cho chị Lê Thị T do chị Lê Thị T đã nộp tiền tạm ứng án phí DSST tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001897 ngày 20/3/2026.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Ngô Thị Hoa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An;
- Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.